

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện ngân sách Nhà nước năm 2023, xây dựng dự toán năm 2024 và kế hoạch tài chính – NSNN năm 2024-2026 của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính. Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp Quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ văn bản số 1910/STC-QLGCS&TCĐN ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Sở Tài chính Tuyên Quang, về việc thực hiện văn bản số 7521/BTC-TCĐN ngày 01/8/2022 của Bộ Tài chính Về việc tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện ngân sách Nhà nước năm 2023, xây dựng dự toán năm 2024 và kế hoạch tài chính – NSNN năm 2024-2026 của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang, V/v giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện ngân sách Nhà nước năm 2023, xây dựng dự toán năm 2024 và kế hoạch tài chính – NSNN năm 2024-2026 của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước, cụ thể như sau:

A- NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI NĂM 2023

I. Kế hoạch tài chính được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao năm 2023

- Trồng rừng: 400 ha
- Tổng doanh thu: 28.300 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 582,6 triệu đồng
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước: 1,8%
- Các khoản phải nộp: 1.875,9 triệu đồng
- + Thuế, phí nộp ngân sách: 520 triệu đồng
- + BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp: 1.355,9 triệu đồng

II. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 so với Kế hoạch năm 2023

1. Đánh giá về sản lượng khai thác kinh doanh so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước; các hoạt động sản xuất, kinh doanh đặc thù của doanh nghiệp.

- Trồng rừng: được 402,5/400 ha đạt 100,6% so với kế hoạch.

- Khai thác, tiêu thụ gỗ: 6.201,16m³ so với năm 2022: 9.991,86m³ đạt 62 %; so với kế hoạch 25.000 m³ đạt 25 %.

2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Doanh thu: 8.413,9 triệu đồng so với năm 2022: 14.253,3 triệu đồng đạt 59 %; so với kế hoạch được giao 28.300 triệu đồng đạt 30%.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.298,07 triệu đồng so với năm 2022: 1.870,93 triệu đồng đạt 69%; so với kế hoạch 4.000 triệu đồng đạt 32%.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 175 triệu đồng so với năm 2022: 63,12 triệu đồng đạt 277%; so với kế hoạch được 582,6 triệu đồng đạt 30%.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

- Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 nộp ngân sách nhà nước: 26,73 triệu đồng.

4. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hội đồng thành viên về việc thực hiện phân phối lợi nhuận của thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2023: Chia lãi cho Công ty CP giấy An Hòa Tuyên Quang: 305.805.943 đồng, Trích quỹ đầu tư phát triển: 275.225.349 đồng, Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 642.192.481 đồng

III. Đánh giá ước thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2023

1. Đánh giá về sản lượng khai thác kinh doanh so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước; các hoạt động sản xuất, kinh doanh đặc thù của doanh nghiệp.

- Trồng rừng: 402,5/400 ha đạt 100,6% so với kế hoạch.

- Khai thác, tiêu thụ gỗ: 25.000 m³ đạt 113,87 % so với năm 2022: 27.764m³ đạt 90,5 %; so với kế hoạch 25.000 m³ đạt 100 %.

2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Doanh thu: 28.300 triệu đồng so với năm 2022: 35.284,53 triệu đồng đạt 80,21 %; so với kế hoạch được giao 28.300 triệu đồng đạt 100%.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 4.000 triệu đồng so với năm 2022: 4.101,1 triệu đồng đạt 98%; so với kế hoạch 4.000 triệu đồng đạt 100%.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 582,6 triệu đồng so với năm 2022: 537,95 triệu đồng đạt 108%; so với kế hoạch được 582,6 triệu đồng đạt 100%.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

- Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2023: 520 triệu đồng.

4. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hội đồng thành viên về việc thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm 2023: Chưa thực hiện

IV. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

- Công ty luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của các Sở ban ngành tỉnh Tuyên Quang, Huyện Ủy, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, đồng thời nhận được sự phối hợp chặt chẽ giữa Công ty với UBND các xã Thị trấn trên địa bàn huyện Sơn Dương.

2. Khó khăn

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ gỗ rừng trồng, giá gỗ giảm mạnh (so với cùng kỳ năm 2020 giá gỗ giảm 15,0%). Nhiều cơ sở chế biến dừng hoạt động nên tiến độ khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng của Công ty bị chậm, ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận.

- Trong những năm gần đây do tình trạng cây trồng bị sâu bệnh, đặc biệt là bệnh héo lá ở cây Keo đã làm giảm chất lượng rừng của Công ty, diện tích cây bị chết nhiều, không có khả năng phát triển Công ty đã thống nhất với các hộ nhận khoán lập hồ sơ thiết kế khai thác tận thu để trồng lại rừng dẫn đến năng suất và giá bán sản phẩm gỗ rừng trồng giảm. Do đó đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty và thu nhập của các hộ nhận khoán.

- Chiến sự giữa Nga và Ukraine làm cho giá nhân công trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng và giá vật tư tăng cao (phân bón, xăng dầu) đã ảnh hưởng tới chi phí cho hoạt động sản xuất của Công ty tăng lên so với cùng kỳ năm trước.

- Năm 2023 đơn vị phải nộp tiền thuê đất với số tiền 1.350.147.422 đồng dẫn đến tình hình tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn.

- Từ năm 2017 đến nay Công ty không vay được vốn của ngân hàng để tái đầu tư cho sản xuất kinh doanh.

V. Giải pháp để hoàn thành kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước năm 2022

Để hoàn thành kế hoạch tài chính –ngân sách nhà nước năm 2023, đơn vị tìm kiếm khách hàng để bán và tiêu thụ sản phẩm với giá cao nhất, mang về doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị.

B. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2024 -2026

I. Kế hoạch tài chính

- Trồng rừng: 1.200 ha.

- Khai thác gỗ: 75.000 m³.

- Tổng doanh thu: 87.100 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 3.184,54 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 2.547,63 triệu đồng.
- Thuế, phí nộp ngân sách: 1.106,26 triệu đồng.

II. Để thực hiện được dự toán ngân sách nhà nước giao giai đoạn 2024-2026 đơn vị đã sớm xây dựng kế hoạch và đưa ra các giải pháp cụ thể như sau:

1. Trồng rừng:

- Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch rà soát diện tích đất trống trong tổng diện tích quản lý để đưa vào trồng rừng ngay từ đầu năm 2023.

- Chủ động chuẩn bị đầy đủ vật tư, cây giống, tiền vốn, lựa chọn lao động, đảm bảo trồng rừng đúng kế hoạch.

2. Chăm sóc rừng trồng:

Thực hiện chăm sóc rừng trồng các năm đúng quy trình kỹ thuật kết hợp với trồng dặm bổ sung, bón thúc để nâng cao chất lượng rừng trồng.

3. Bảo vệ rừng:

Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng để hạn chế thiệt hại tài sản rừng trồng, rừng tự nhiên sản xuất. Làm tốt công tác phòng chống cháy rừng trong mùa hanh khô. Theo dõi những diễn biến phức tạp của sâu bệnh gây hại cây trồng, ảnh hưởng đến năng suất rừng trồng để kịp thời có những giải pháp phòng chống hiệu quả.

4. Khai thác gỗ rừng trồng:

Khi được giao kế hoạch thác hàng năm, chủ động tiến hành khai thác đảm bảo đúng tiến độ, thực hiện đúng theo các quy định về khai thác, vận chuyển, tiêu thụ lâm sản.

- Tích cực tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm gỗ rừng trồng, nâng cao thu nhập cho Công ty và các chủ hộ nhận khoán trồng rừng liên doanh với Công ty.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

C. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

- Đề nghị Nhà nước hỗ trợ kinh phí bảo vệ và nuôi dưỡng diện tích rừng tự nhiên 442,6 ha để Công ty có kinh phí đầu tư cho công tác quản lý bảo vệ và nuôi dưỡng rừng.

- Hỗ trợ giống cây bản địa có giá trị kinh tế cao để trồng bổ sung tại các vị trí ven, chân lô, các khoảng trống trong rừng tự nhiên sản xuất.

- Có chính sách vay vốn cho trồng rừng sản xuất gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn theo chu kỳ kinh doanh, trả gốc và lãi khi kết thúc chu kỳ kinh doanh để Công ty có đủ nguồn lực về tài chính trong thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Đề nghị thực hiện bán tín chỉ phát thải Carbon đối với diện tích rừng hiện có tại các Công ty TNHH lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Lợi thế là diện tích rừng trồng sản xuất và rừng tự nhiên sản xuất được cấp chứng chỉ FSC của tổ chức GFA.

- Đề nghị miễn tiền thuê đất cho các Công ty TNHH lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương báo cáo Sở tài chính, UBND tỉnh Tuyên Quang, Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Tuyên Quang (B/cáo);
- Sở Tài chính Tuyên Quang (B/cáo);
- Bộ tài chính (B/cáo);
- Website taichinhdoanh.mof.gov.vn;
- Website Công ty;
- Lưu: VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÂN
VỐN NHÀ NƯỚC**



**GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Thái**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm liên trước năm báo cáo (số thực hiện năm 2022)	Năm báo cáo (Năm 2023)			Kế hoạch			So sánh TH/KH (%)	So sánh KH/năm BC (%)
				Kế hoạch năm 2023	Thực hiện đến 30/06/2023	Ước thực hiện năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7/5	12=8/5
2.a. Thuế XNK		triệu đồng									
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên		triệu đồng									
III. Thuế và các khoản đã nộp NSNN											
III.1. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		triệu đồng	490,36	520,00	85,10	645,65	360,66	368,60	377,00	124,16	69,36
1. Từ hoạt động kinh doanh nội địa		triệu đồng									
1.a. Thuế GTGT		triệu đồng	68,04	50,00	38,35	50,00	25,00	25,00	25,00	100,00	50,00
1.b. Thuế TTĐB		triệu đồng									
1.c. Thuế TNDN		triệu đồng		145,65	43,75	145,65	155,66	163,60	172,00	100,00	106,87
1.d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác		triệu đồng	422,32	324,35	3,00	450,00	180,00	180,00	180,00	138,74	55,50
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK		triệu đồng									
2.a. Thuế XNK		triệu đồng									
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên		triệu đồng									
IV. Nợ thuế											
1. Nợ thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		triệu đồng	-317,62	-171,97	-229,29	-171,97	-16,31	0,00	0,00		

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm liên báo cáo (số báo cáo thực hiện năm 2022)	Năm báo cáo (Năm 2023)			Kế hoạch			So sánh TH/KH (%)	So sánh KH/năm BC (%)
				Kế hoạch năm 2023	Thực hiện đến 30/06/2023	Ước thực hiện năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7/5	12=8/5
1.a. Nợ tiền thu từ lợi nhuận sau thuế đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên		triệu đồng									
V. Các khoản chi NSNN		triệu đồng									
1. Chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 148/2001/NĐ-CP		triệu đồng									
2. Chi đầu tư phát triển theo quy định tại Nghị định		triệu đồng									
3. Chi khác											

Ghi chú: Tiền thuế TNDN nộp thừa nên số nợ thuế âm

Sơn Dương, ngày 31 tháng 07 năm 2023
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hồng Thái